

Bản án số: 288/2019/DS-PT

Ngày: 30 – 10 – 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Huỳnh Văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty Thương mại C.

Địa chỉ: Số 38, khóm 1, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Quốc H2, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 18B, đường C, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

2. Ông Đặng Minh H3, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 24, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 12F, khóm 1, phường 7, thành phố C, tỉnh C..

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông D:* Bà Ngô Tuyết Vân, sinh năm 1951; địa chỉ: Phường 2, thành phố C, tỉnh C. (Có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Thanh N1, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 12B, khóm 3, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Quốc D là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) cấp cho Công ty quản lý xây dựng chợ Minh Hải nay là Công ty Thương mại C (gọi tắt là Công ty) phần đất diện tích 2.321m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để xây dựng công trình khu phố số 01 thuộc Trung tâm thương mại tổng hợp.

Đến ngày 24/4/2018, Công ty phát hiện ông Hoàng Quốc D sửa chữa căn nhà số 12F, đường Hùng Vương, khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau và có lấn chiếm phần đất của Công ty theo đo đạc thực tế chiều ngang hướng Nam là 3m (ký hiệu M5-M6); chiều ngang hướng Bắc là 2,86m (ký hiệu M1-M2); chiều dài hướng Đông là 11,17m (ký hiệu M2-M5); chiều dài hướng Tây là 10,91m (ký hiệu M1-M6), tổng diện tích 22,7m<sup>2</sup>, có tứ cận phía Đông giáp căn nhà số 12F của ông D; phía Tây giáp nền 34, 35, 36; phía Nam giáp đường Hẻm Suzuki Tiến Phát; phía Bắc giáp mương thoát nước và nền số 36.

Khi ông D sửa chữa nhà trên phần đất tranh chấp, Công ty có báo cho Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau tiến hành lập biên bản yêu cầu ông D ngừng thi công và trả lại phần đất lấn chiếm như hiện trạng ban đầu, đồng thời buộc ông D tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên đất đã lấn chiếm của Công ty. Ông D cam kết khi Nhà nước quy hoạch chỉnh trang đô thị thì ông D sẽ tự tháo dỡ, di dời các công trình trên đất. Do đó, Công ty yêu cầu ông D phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng trái phép để trả lại phần đất có tổng diện tích 22,7m<sup>2</sup> cho Công ty.

- *Theo ông Hoàng Quốc D, Người đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày:*

Ngày 10/4/2018, ông D có nhận chuyển nhượng của ông Trần Thanh N1 và bà Nguyễn Tuyết L căn nhà cấp 4 cặp với căn nhà số 12F, đường Hùng Vương, khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau với giá 220.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, hai bên có làm hợp đồng nhưng không công chứng, chứng thực, không có bản vẽ hiện trạng nhà đất, đến nay ông D chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng khi nhận chuyển nhượng của ông N1 là căn nhà lợp thiếc, vách thiếc, phía sau có khu vệ sinh xây tường, nền xi măng, nay ông D đã sửa chữa và sử dụng làm nhà để xe.

Ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty, vì ông D không lấn chiếm đất của Công ty mà nhận chuyển nhượng từ ông N1 và bà L. Trường hợp Công ty yêu cầu ông D giao trả đất thì phải bồi thường cho ông D trị giá đất và tài sản trên đất 200.000.000 đồng.

- *Ông Trần Thanh N1 trình bày:*

Nguồn gốc phần đất của ông sử dụng trước đây là do ông sang nhượng lại của bà Xuân (không nhớ rõ họ tên và địa chỉ) một căn nhà và đất tọa lạc số 12F, đường Hùng Vương, khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau và một căn nhà liền kề hiện đang tranh chấp (tiếp giáp căn nhà số 12F) có diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>. Việc sang nhượng chỉ làm giấy tay đối với căn nhà 12F, còn phần cặp bên không có giấy tờ sang nhượng.

Năm 2005, ông chuyển nhượng căn nhà số 12F cho bà Quan, đến ngày 10/4/2018 ông chuyển nhượng căn nhà hiện đang tranh chấp cho ông Hoàng Quốc D với giá 220.000.000 đồng, căn nhà này ông không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã nhận đủ tiền từ ông D và giao nhà cho ông D từ năm 2018 đến nay. Khi chuyển nhượng hai bên có làm hợp đồng nhưng không công chứng chứng thực.

Công ty yêu cầu ông D trả lại phần đất theo diện tích đo đạc thực tế 22,7m<sup>2</sup>, ông yêu cầu Công ty thương lượng với ông D vì phần đất trên được nhiều người khai phá sử dụng, còn ông D chỉ là người mua lại.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Thương mại C. Buộc ông Hoàng Quốc D phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các công trình, vật kiến trúc có trên đất lấn chiếm, tọa lạc tại khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, để giao trả lại phần đất lấn chiếm cho Công ty Thương mại C tổng diện tích 22,7m<sup>2</sup> theo biên bản đo vẽ ngày 12/4/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận và kích thước như sau: Chiều ngang hướng Nam giáp đường Hẻm Suzuki Tiến Phát là 3m (ký hiệu M5-M6); chiều ngang hướng Bắc giáp mương thoát nước và nền số 36 là 2,86m (ký hiệu M1-M2); chiều dài hướng Đông giáp căn nhà và đất số 12F của ông D là 11,17m (ký hiệu M2-M5); chiều dài hướng Tây giáp nền 34, 35, 36 là 10,91m (ký hiệu M1-M6).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông D buộc Công ty Thương mại C bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 01/8/2019, ông Hoàng Quốc D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của Công ty Thương mại C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Tuyết Vân giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông D.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà Vân phát biểu ý kiến tranh luận: Không đồng ý trả đất theo yêu cầu của Công ty Thương mại C.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (ông H3) phát biểu ý kiến tranh luận: Phần đất bà Xuân sử dụng trước đây có phần đất bà Xuân mượn của Công ty; bà Xuân chỉ sang cho ông N1 01 nên nhà mua của Công ty, phần còn lại không có sang cho ông N1, khi ông N1 sử dụng thì sang lại cho ông D. Khi ông D sử dụng, Ủy ban nhân dân phường 7 có lập biên bản về việc ông D sửa chữa nhà trái phép trên phần

đất của Công ty, ông D cam kết khi nào Nhà nước buộc trả thì ông tự tháo dỡ. Nay Công ty yêu cầu ông D trả lại phần đất của Công ty để làm đường thoát nước. Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông H2 thống nhất với ý kiến của ông H3.

Ông N1 phát biểu ý kiến tranh luận: Việc Ủy ban nhân dân phường 7 lập biên bản đối với ông về việc sử dụng đất công chứ không phải đất của Công ty Thương mại C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Quốc D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Điều chỉnh diện tích đất tranh chấp theo văn bản đính chính ngày 04/10/2019 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau là 32,7m<sup>2</sup>.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Xét kháng cáo của ông Hoàng Quốc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo sơ đồ đo vẽ thực tế ngày 12/4/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thể hiện phần đất các bên tranh chấp có kích thước chiều ngang hướng Nam giáp đường Hẻm Suzuki Tiến Phát là 3m (ký hiệu M5-M6); chiều ngang hướng Bắc giáp mương thoát nước và nền số 36 là 2,86m (ký hiệu M1-M2); chiều dài hướng Đông giáp căn nhà và đất số 12F của ông D là 11,17m (ký hiệu M2-M5); chiều dài hướng Tây giáp nền 34, 35, 36 là 10,91m (ký hiệu M1-M6), tổng diện tích 22,7m<sup>2</sup> tọa lạc khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nhưng theo Công văn số 159/CV-TTKTCNQT, ngày 04/10/2019 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau xác định diện tích 22,7m<sup>2</sup> là không đúng, do nhầm lẫn trong tính toán, diện tích đúng là 32,7m<sup>2</sup>, nên cần xác định diện tích đất tranh chấp là 32,7m<sup>2</sup>.

[2] Công ty cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 2.321m<sup>2</sup> mà Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải cấp tọa lạc tại khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Quyết định số: 46/QĐ-UB ngày 11/3/1991. Ông D cho rằng phần đất này năm 2001, ông N1 nhận chuyển nhượng căn nhà số 12F và căn nhà liền kề hiện đang tranh chấp từ bà Xuân nhưng chỉ thể hiện giấy tờ mua bán căn nhà số 12F, còn căn nhà tạm liền kề không thể hiện có giấy tờ gì. Năm 2005, ông N1 chuyển nhượng căn nhà số 12F cho bà Quan, còn căn nhà trên đất tranh chấp ông N1 tiếp tục sử dụng. Năm 2017, bà Quan chuyển nhượng căn nhà 12F cho ông D; ngày 10/4/2018 ông N1 chuyển nhượng căn nhà hiện đang tranh chấp cho ông D với giá 220.000.000 đồng. Ông D không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của Công ty.

[2.1] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và đối chiếu bản đồ đo đạc xét thấy, toàn bộ phần đất tranh chấp diện tích là 32,7m<sup>2</sup> hiện do ông D đang quản lý sử dụng. Phía Công ty cho rằng phần đất tranh chấp là của Công ty bị ông D lấn chiếm. Việc các hộ dân tự lấn chiếm sử dụng và chuyển nhượng cho nhau đều thực hiện thủ tục

bằng giấy tay, không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận. Công ty cũng nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 7 giải quyết việc các hộ dân lấn chiếm đất của Công ty. Cụ thể: Năm 2017, Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau lập biên bản buộc ông N1 tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trái phép giao trả phần đất cho Công ty nhưng ông N1 không thực hiện mà còn chuyển nhượng cho ông D. Đến năm 2018, ông D tiếp tục sửa chữa nhà trái phép trên đất tranh chấp bị Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau lập biên bản buộc ông D tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trái phép giao trả phần đất cho Công ty và ông D đã cam kết khi nào Nhà nước quy hoạch, chỉnh trang lại thì ông D tự tháo dỡ, di dời, không yêu cầu bồi thường. Cả ông N1 và ông D đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất hay có quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

[2.2] Qua xác minh đối với bà Huỳnh Thị Ánh Xuân ngày 23/10/2019, bà Xuân trình bày: Năm 1996, bà Xuân có nhận chuyển nhượng của Công ty phần đất thuộc mặt bằng số 12B, đường nội bộ, khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau. Đến năm 2005, giữa bà Xuân với Công ty ký lại hợp đồng số 08/HĐKT đối với phần đất thuộc mặt bằng số 12B. Sau khi chuyển nhượng bà Xuân tiến hành xây dựng nhà ở (là căn nhà số 12F). Trong quá trình sử dụng, bà Xuân có làm mái che trên phần đất của Công ty, bà Xuân có làm tờ cam kết khi nào Công ty cần sử dụng thì bà Xuân sẽ trả lại mặt bằng cho Công ty. Đến năm 2005, bà Xuân chuyển nhượng căn nhà số 12F cho ông N1, phần đất cấp căn nhà số 12F bà Xuân không có chuyển nhượng cho ông N1, vì là đất của Công ty.

[2.3] Xét về vị trí phần đất tranh chấp giữa Công ty với ông D thể hiện: Phần đất tranh chấp nằm giữa phần đất của căn nhà số 12F và phần đất Công ty đang quản lý. Do đó, có cơ sở chứng minh phần đất tranh chấp nằm trong ranh giới, diện tích đất mà Công ty được giao trước đây.

[2.4] Ngoài ra Công ty xác định do ông D đứng tên chuyển nhượng với ông N1, trên phần đất tranh chấp phía ông D chỉ có làm mái che để sử dụng nên Công ty chỉ khởi kiện đối với ông D, không khởi kiện đối với những người khác trong gia đình ông D có liên quan đang cùng quản lý sử dụng cùng với ông D. Tuy nhiên ông D cho rằng tiền chuyển nhượng phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông (ông Thọ và bà Vân), hiện nay ông cùng vợ ông là bà Trần Thiện Mỹ và cha mẹ ông cùng quản lý sử dụng. Qua làm việc với bà Mỹ và ông Hoàng Thọ, cả hai đều có ý kiến giao cho bà Vân toàn quyền quyết định. Tại phiên tòa, bà Vân xác định mặc dù tại cấp sơ thẩm không đưa bà Vân, ông Thọ và bà Mỹ tham gia tố tụng, nhưng nếu Tòa xử đúng thì bà Vân cũng thống nhất việc cấp sơ thẩm chỉ đưa một mình ông D tham gia tố tụng và đồng ý tháo dỡ mái che trả lại đất cho Công ty, không khiếu nại gì về việc không đưa bà Vân, ông Thọ và bà Mỹ tham gia tố tụng.

[3] Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Thương mại C, buộc ông D tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất trả lại phần đất tranh chấp cho Công ty là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D, nhưng sửa bản án sơ thẩm đối với diện tích đất buộc ông D phải trả cho Công ty 32,7m<sup>2</sup> theo Bản trích đo hiện trạng ngày 04/10/2019 của

Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

[4] Chi phí xem xét thẩm định số tiền 7.630.000 đồng, ông D phải chịu. Công ty đã nộp số tiền 7.630.000 đồng nên buộc ông D trả lại cho Công ty.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do diện tích đất tranh chấp thay đổi nên án phí dân sự sơ thẩm ông D phải chịu trên diện tích đất  $32,7m^2$  x mức giá đất tranh chấp mà hai bên thỏa thuận số tiền 18.750.000 đồng/ $1m^2$  bằng giá trị đất tranh chấp số tiền 613.125.000 đồng. Nên án phí ông D Phải chịu số tiền là 28.525.000 đồng. Công Ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã dự nộp được nhận lại.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của ông D nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Quốc D.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Thương mại C.

Buộc ông Hoàng Quốc D tháo dỡ, di dời toàn bộ các công trình, vật kiến trúc có trên đất lấn chiếm, tọa lạc tại khóm 1, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để giao trả lại cho Công ty Thương mại C diện tích đất  $32,7 m^2$  theo bản trích đo hiện trạng ngày 04/10/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Phần đất có kích thước: Cạnh M1M2 = 2,86m; cạnh M2M5 = 11,17m; cạnh M5M6 = 3,00m; cạnh M6M1 = 10,91m.

(Có Bản trích đo hiện trạng kèm theo)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông D buộc Công ty Thương mại C bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất số tiền 200.000.000 đồng.

- Chi phí xem xét thẩm định số tiền 7.630.000 đồng, ông D phải chịu. Công ty Thương mại C đã nộp số tiền 7.630.000 đồng nên buộc ông D trả lại cho Công ty Thương mại C số tiền 7.630.000 đồng.

*Kể từ ngày Công ty Thương mại C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Quốc D phải chịu số tiền 28.525.000 đồng. Công ty Thương mại C không phải chịu án phí. Ngày 24/12/2018, Công ty Thương mại C đã dự nộp số tiền 2.148.000 đồng theo biên lai số 0001837 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm Ông Hoàng Quốc D phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 02/8/2019 ông D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000540 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**